

Số: 4381/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2613/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà NTM - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 30/15 đường SM, KP2, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông ĐMT - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Công ty TNHH HCVCNKL - Số 111 đường LĐC, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Nguyên đơn: Bà NTM - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 30/15 đường SM, KP2, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông ĐMT - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Công ty TNHH HCVCNKL - Số 111 đường LĐC, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà NTM và ông ĐMT thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Bà NTM và ông ĐMT cùng tự khai có 01 con chung tên DMA (giới tính nam, sinh ngày 25/02/2020). Bà NTM và ông ĐMT thỏa thuận giao con chung cho bà NTM trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng, việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng và bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

**2.3 Về tài sản chung:** Bà NTM và ông ĐMT cùng tự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**2.4 Về nợ chung:** Bà NTM và ông ĐMT cùng tự khai không có.

**3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà NTM nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/006426 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTM đã nộp đủ.**

**4. Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 18/01/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn HV, huyện ĐH, tỉnh PY cấp không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.**

**5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- UBND TT.HV, H.ĐH, PY;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Hải Quỳnh Anh**